

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **81 /2021/DS-ST**

Ngày: 29/12/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản và nợ hụi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **284/2020/TLST- DS** ngày 03/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **42A/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2021** giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Hồng P**; sinh năm **1978**; Nơi cư trú: khu phố F, phường K, thành phố BT, tỉnh BT

Bà P ủy quyền cho anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1981, nơi cư trú: đường C phường T, quận 1, Thành phố H (có mặt)

2. *Bị đơn:* - Bà **Phan Thị Kim O**, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: khu phố A, phường G, thành phố BT, tỉnh BT

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Phan Văn N** sinh năm 1963

Nơi cư trú: khu phố A, phường G, thành phố BT, tỉnh BT

Bà Oanh, ông Ni ủy quyền cho anh **Lê Minh Tr**, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện P, tỉnh BT (có mặt)

4. *Nhân chứng:*

- Bà Nguyễn Huỳnh V (vắng mặt)

Nơi cư trú: phường A, thành phố BT, tỉnh BT.
- Bà Huỳnh Thị Hồng Th (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp P, xã H, thành phố BT, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn anh T trình bày:

Ngày 15/9/2020 bà O có vay của bà P số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) để xây sửa nhà ở ấp Nghĩa Huân, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thời hạn vay là 18 tháng, không lãi suất và bên bà O hàng tháng phải trả cho bà P số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lúc này hai bên có làm giấy mượn tiền và đơn xin xác nhận chữ ký tại UBND xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nhưng từ đó đến nay bà O không có trả tiền cho bà P.

Bà O mượn tiền của bà P có giấy viết tay đề ngày 15/9/2020, giấy này do bà P viết và bà O ký tên và ghi rõ họ tên, đồng thời cũng có giấy xác nhận chữ ký của bà O tại UBND xã Tiên Thủy vào ngày 15/9/2020.

Mặc khác bà O và bà P cùng chơi hội với nhau, bà P là hội viên bà O là chủ hội nhưng bà O không cho bà P hót, bà O còn nợ bà P số tiền hội tổng cộng là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng) phần nợ này bà O gởi cho bà P qua tin nhắn Zalo.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà P yêu cầu bà O có trách nhiệm trả cho bà P số tiền tổng cộng là 1.178.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi và xin rút yêu cầu đối với việc buộc ông N có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà O.

** Đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tr trình bày:*

Bà O cho rằng bà O không có nợ bà Huỳnh Thị Hồng P và cũng không có chơi hội với bà P nên bà O không đồng ý trả cho bà P số tiền 1.178.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng) như bà P yêu cầu.

Ông N xác nhận là bà O không có mượn nợ bà P và không có việc chơi hội giữa bà O và bà P nên ông N cũng không đồng ý trả cho bà P số tiền 1.178.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng) theo yêu cầu của bà P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà O, ông N, đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất nhưng bà O, ông N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/11/2020 bà Huỳnh Thị Hồng P có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Kim O và ông Phan Văn N trả số tiền vay và nợ hội là

1.1780.000.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu đồng). Bà O, ông N hiện tạm trú tại phường 8, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo như ông T trình bày: vào ngày 15/9/2020 bà O có mượn của bà P số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) Có giấy viết tay đề ngày 15/9/2020, giấy này do bà P viết và bà O ký tên và ghi rõ họ tên, đồng thời cũng có giấy xác nhận chữ ký của bà O tại UBND xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nhưng đến thời điểm hiện tại bà O chưa trả tiền cho bà P. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bên cạnh đó bà P cũng cho rằng bà có tham gia các dây hụi do bà O làm chủ, hiện bà O còn nợ bà số tiền hụi là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng). Nên bà P yêu cầu bà O, ông N phải trả cho bà số tiền nợ hụi trên. Quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp nợ hụi*” được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Tại tòa, bà P yêu cầu bà O, ông N phải trả số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và phần tiền nợ hụi là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Đối với phần tiền mượn: Xét về hình thức tờ “Tờ mượn tiền” ngày 15/9/2020 thể hiện bà O có mượn của bà P số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) với điều kiện mỗi tháng trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), vào ngày 01 tây hàng tháng, trả trong vòng 18 tháng, không có lãi suất, tờ mượn tiền này viết bằng giấy tay do bà P viết nhưng có chữ ký và chữ viết của bà O. Bên cạnh đó cùng ngày hai bên có “Đơn xin xác nhận chữ ký” có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nội dung cũng tương tự như tờ mượn tiền. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của bà P và nội dung trong các tờ “Tờ mượn tiền” và “Đơn xin xác nhận chữ ký” thể hiện bà O có mượn của bà P số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) không có lãi suất, lời khai này phù hợp với nội dung các tờ “Tờ mượn tiền” và “Đơn xin xác nhận chữ ký” và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không trái với Điều 117 Bộ luật dân sự 2015.

Tại phiên tòa ngày 12/11/2021 ông Tr có yêu cầu tạm dừng phiên tòa để trưng cầu giám định chữ ký của bà O. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà O cung cấp tài liệu chứng cứ để trưng cầu giám định nhưng đến ngày 15/12/2021 ông Tr có đơn xin hủy yêu cầu giám định chữ ký.

Căn cứ vào “Tờ mượn tiền” và “Đơn xin xác nhận chữ ký” ngày 15/9/2020 Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa bà P với bà O, là có thật.

Bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cũng như cam kết ngày 15/9/2020 nên bà P khởi kiện yêu cầu bà O phải thanh toán cho bà phần nợ trên là có cơ sở. Bà P cho rằng bà Oanh mượn tiền của bà P nhưng chưa trả khoản nào, bà O lại không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả cho bà P nên bà O có nghĩa vụ phải trả cho bà P số tiền trên.

Đối với phần nợ hui: Bà P cho rằng bà có chơi hui do bà O làm chủ nhưng bà không cung cấp được cụ thể các dây hui, số tiền đã đóng trong từng dây hui, số người chơi hui chung, ... Tòa án cũng đã ra thông báo yêu cầu bà cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc chơi hui nhưng bà không cung cấp được, bà P có cung cấp hai nhân chứng là Nguyễn Hồng V và Huỳnh Thị Hồng Th. Tuy nhiên lời trình bày của các nhân chứng V và Th chưa đủ cơ sở để làm rõ việc chơi hui, cụ thể như: số người chơi, số tiền đã đóng của người tham gia chơi hui trong từng lần khai hui, ...

Bên cạnh đó, tại giấy: “*Hui 5.000.000 Đ (Năm triệu đồng) khai ngày mùng 6 tháng 04 năm 2020AL, 18 phần,...mặt sau có ghi C.Vân mua 1P hui 5.000.000đ (năm triệu đồng) khai ngày mùng 6/4/2020AL...C.Vân đã giao đủ số tiền 57.000.000 đ (ngày 23/4/2020Al tháng 4 đầu) người nhận tiền hui Phan Thị Kim O*”, do nguyên đơn cung cấp lại thể hiện việc bà V mua hui của bà O và bà O nhận tiền của bà V chứ không phải bà O nhận tiền của bà P.

Tòa án đã thông báo cho các bên cung cấp chứng cứ chứng minh, mời đến đối chất nhưng các bên không đến nên không thể tiến hành đối chất được. Vì vậy không đủ cơ sở xác định bà O có nợ của bà P số tiền hui như bà P yêu cầu. Do đó nghĩ nên bác yêu cầu khởi kiện của bà P đối với phần tiền hui là 278.000.000 đồng. (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng)

Tại Tòa anh T rút yêu cầu ông N phải có trách nhiệm liên đới cùng bà O để trả cho bà P hai khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P đối với nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà O.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận đối với yêu cầu trả số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà O phải nộp là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng). Bà P không được chấp nhận đối với yêu cầu trả số tiền hui là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng) nên bà phải chịu án phí sơ thẩm là 13.900.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; 471 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hồng P; cụ thể tuyên:

Buộc bà Phan Thị Kim O có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Hồng P số tiền là 900.000.000 (Chín trăm triệu đồng)

Bác yêu cầu của bà P về việc yêu cầu bà O phải trả phần tiền hui là

278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng)

Đình chỉ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Hồng P buộc ông Phan Văn N có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà O.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là bà Phan Thị Kim O phải nộp là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng), bà Huỳnh Thị Hồng P phải nộp là 13.900.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005256 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà P số tiền là 9.770.000 đồng (Chín triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

Nguyễn Duy Phong

Theo nội dung đơn khởi kiện, vào ngày 09/10/ 2017 ông Nguyễn Văn Quốc có cho ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh vay số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, mức lãi suất là 0,666%/ tháng lúc mượn tiền hai bên có ký hợp đồng vay mượn tiền và có chứng thực. Nhưng đến thời điểm hiện tại ông Hiệp và bà Oanh chưa trả tiền cho ông Quốc theo thỏa thuận. Yêu cầu của ông Quốc là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do yêu cầu được chấp nhận ông Nguyễn Văn Quốc không phải chịu án phí.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 46.795.200 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng*).

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Quốc về việc yêu cầu ông Hiệp và bà Oanh trả số tiền vay và lãi tổng cộng 159.840.000 đồng chứng cứ ông Quốc yêu cầu ông Hiệp và bà Oanh trả tiền là các hợp đồng vay tiền ngày 09/10/2017 và giấy cam kết trả nợ ngày 13/9/2020.

Xét về hình thức tờ “ Hợp đồng vay tiền” và “Giấy nhận nợ” ông Quốc khai là do các bên cùng thỏa thuận đánh máy ra, viết tay và ký tên khi ông Hiệp và bà Oanh nhận tiền của ông Quốc, Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của ông Quốc và nội dung trong các tờ “ Hợp đồng vay tiền” và “Giấy nhận nợ” thể hiện ông Hiệp và bà Oanh có mượn số tiền của ông Quốc 1.000.000.000 đồng, mức lãi suất là 0,666%/ tháng lời khai của bà Hồng phù hợp với nội dung các tờ “ Hợp đồng vay tiền” và “Giấy nhận nợ” và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không trái với Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông Quốc với ông Hiệp và bà Oanh, là có thật.

Xét thấy số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà ông Hiệp và bà Oanh đã ghi trong “ Hợp đồng vay tiền” và “Giấy nhận nợ” được hai bên thỏa thuận giao kết vào các ngày ngày 09/10/2017 và ngày 13/9/2020 và yêu cầu tiền lãi số tiền 159.840.000 đồng là phù hợp với qui định tại Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Quốc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các thông báo kết quả phiên họp và công khai chứng cứ do ông Nguyễn Văn Quốc cung cấp. Nhưng ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Quốc cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận các tờ “Hợp đồng vay tiền” và “Giấy nhận nợ” là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của ông Nguyễn Văn Quốc.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh còn nợ ông Nguyễn Văn Quốc số tiền 1.159.840.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng đã mượn, trong đó 1.000.000.000 (một tỷ đồng) theo “Hợp

đồng vay tiền” và “Giấy nhận nợ” thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Quốc yêu cầu tính lãi suất số tiền đã vay của ông Tuyên và phần lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử xem xét đến phần lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi bà Hồng yêu cầu 24 tháng với mức 0,666%/tháng trên tổng số tiền vay 1.000.000.000 đồng với số tiền 159.840.000 đồng không trái với quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước và quy định về lãi suất được căn cứ tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Áp dụng Điều 4, 117, 119, 463, 466, 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Quốc.

Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải trả cho ông Nguyễn Văn Quốc số tiền là số tiền là 1.159.840.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng đã mượn, trong đó 1.000.000.000 (*một tỷ đồng*) tiền nợ gốc và tiền lãi là 159.840.000 (một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 46.795.200 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng*).

Hoàn cho ông Nguyễn Văn Quốc số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.398.000 đồng (*hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005203 ngày 13/11/2020 tại chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hồ Dương Thị Thanh Thúy

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Thúy Trần Thị Kim Mỹ

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Bé Em

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng

Lý Thị Kim Ngân

Nguyễn Duy Phong